

Bản án số: 58/2023/DS-PT  
Ngày: 21 - 02 - 2023  
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hòa Hiệp

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Thúy Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tiểu Phương Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 467/2021/TLPT-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2023/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn NĐ, sinh năm 1951; cư trú tại: Số 178/ÔA, khu phố A2, phường A1, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh (có mặt);

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn BĐ, sinh năm 1957; cư trú tại: khu phố A2, phường A1, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Thái Quang Thượng A - Văn phòng Luật sư Thượng A - Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Thuận (có mặt);

Địa chỉ: L3, Tôn Đức Thắng, phường A4, thành phố S1, tỉnh Bình Thuận.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Huỳnh Long NLQ1, sinh năm 1945; cư trú tại: Số 180, đường Nguyễn Du, khu phố A2, phường A1, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt);

- Bà Huỳnh Thị NLQ2 (con ông Huỳnh Văn S2, chết), sinh năm 1960; cư trú tại: Số 184, tổ 56, khu phố A2, phường A1, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Ngọc NLQ3, sinh năm 1978 (vắng mặt);

- Chị Nguyễn Thị Lệ NLQ4, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại: khu phố A2, phường A1, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc NLQ5, sinh năm 1982; cư trú tại: Số 28/1, hẻm 4, đường Nguyễn Chí Thanh, khu phố 6, phường 3, thành phố S, tỉnh Tây Ninh; (anh Hồng, chị Hằng, chị Hà con bà Huỳnh Thị V, chết) (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Phước NLQ6, sinh năm 1943; cư trú tại: khu phố A2, phường A1, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Thành NLQ7, sinh năm 1965; cư trú tại: ấp A2, xã A1, huyện A3, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt);

- Chị Nguyễn Kim NLQ8, sinh năm 1969; cư trú tại: ấp S3, xã S4, huyện S5, tỉnh Long An (vắng mặt);

- Chị Nguyễn Kim NLQ9, sinh năm 1972; cư trú tại: khu phố A2, phường A1, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Văn NLQ10, sinh năm 1976; cư trú tại: khu phố 3, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Thành NLQ11, sinh năm 1979; cư trú tại: khu phố A2, phường A1, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh; (ông NLQ6, anh NLQ7, chị NLQ8, chị NLQ9, anh NLQ10, anh NLQ11 là chồng và con bà Huỳnh Thị S6, chết) (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị NLQ12, sinh năm 1959 (vắng mặt);

- Chị Huỳnh Thị Kim NLQ13, sinh năm 1974 (vắng mặt);

- Anh Huỳnh Thành NLQ14, sinh năm 1979 (vắng mặt);

- Chị Huỳnh Thị Kim NLQ15, sinh năm 1984 (vắng mặt);

- Anh Huỳnh Thành NLQ16, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại: khu phố A2, phường A1, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh;

- Chị Huỳnh Thị Kim NLQ17, sinh năm 1982; cư trú tại: Số 162, ngõ 95,

hẻm 113, lộ Đông Hồ, khóm 020, phường An Hồ, khu Nội Hồ, thành phố Đài Bắc, lãnh thổ Đài Loan - Trung Quốc; (bà Nhị, chị NLQ13, anh NLQ14, chị NLQ17, chị NLQ15, anh Công là vợ và các con ông Huỳnh Văn G1, chết) (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Trung NLQ18, sinh năm 1960 (vắng mặt);

- Anh Nguyễn Trọng NLQ19, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại: khu phố Thanh Hà, thị trấn G6, huyện G6, tỉnh Tây Ninh.

- Anh Nguyễn Hữu NLQ20, sinh năm 1988; cư trú tại: khu phố A2, phường A1, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh; (ông Hậu, anh Hữu, anh Hạnh là chồng và các con bà Huỳnh Thị G, chết) (vắng mặt);

- Bà Hồng Ngọc NLQ21, sinh năm 1955 (vắng mặt);

- Chị Huỳnh Thị Thu NLQ22, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại: khu phố A2, phường A1, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh;

*Người đại diện hợp pháp của bà Anh, chị Trang:* Chị Huỳnh Thị Bích NLQ23, sinh năm 1976; cư trú tại: Số 150/43A, đường Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; (theo Văn bản ủy quyền ngày 20-5-2020) (có mặt);

- Chị Huỳnh Thị Bích NLQ23, sinh năm 1976; cư trú tại: Số 150/43A, đường Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

- Chị Huỳnh Thị NLQ27 NLQ24, sinh năm 1980; cư trú tại: Số 78/3, đường Duyên Hải, ấp G2, thị trấn G3, huyện G4, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

*Người đại diện hợp pháp của chị NLQ24:* Chị Huỳnh Thị Bích NLQ23, sinh năm 1976; cư trú tại: Số 150/43A, đường Nguyễn Trãi, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; (theo Văn bản ủy quyền ngày 02-11-2019) (vắng mặt);

- Anh Huỳnh Quốc NLQ25, sinh năm 1978 và chị Nguyễn Thị NLQ25.1, sinh năm 1983 (vắng mặt);

- Anh Huỳnh NLQ26, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Cùng cư trú tại: khu phố A2, phường A1, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh;

- Chị Nguyễn Thị NLQ27, sinh năm 1984; cư trú tại: Số 212, khu phố A2, phường A1, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt);

- Chị Huỳnh Thanh NLQ28, sinh năm 1982; cư trú tại: ấp Phước Đức B, xã

G5, huyện G6, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt);

- Anh Lê Thanh NLQ29, sinh năm 1992; cư trú tại: ấp Bàu Đung, xã An Nhơn Tây, huyện Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là ông Huỳnh Văn NĐ và bị đơn ông Huỳnh Văn BĐ.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:***

*Theo đơn khởi kiện ngày 24-02-2017, đơn sửa đổi nội dung đơn khởi kiện ngày 12-10-2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Huỳnh Văn NĐ trình bày:*

Cha, mẹ ông là cụ Huỳnh Văn T, sinh năm 1913, chết năm 1985 và cụ Ngụy Thị Q, sinh năm 1914, chết năm 1998 không để lại di chúc; hai cụ chung sống có 08 người con, gồm: Ông Huỳnh Văn S2 (chết năm 1986, có vợ tên Lê Thị Cúc chết năm 2016, có 01 người con tên Huỳnh Thị NLQ2); bà Huỳnh Thị S6 (chết năm 1993, có chồng tên Nguyễn Phước NLQ6, có 05 người con tên: Nguyễn Thành NLQ7, Nguyễn Kim NLQ9, Nguyễn Thành NLQ11, Nguyễn Văn NLQ10, Nguyễn Kim NLQ8); ông Huỳnh Long NLQ1; ông Huỳnh Văn NĐ; ông Huỳnh Văn G1 (chết năm 1996, có vợ tên Nguyễn Thị NLQ12, có 05 người con tên: Huỳnh Thị Kim NLQ13, Huỳnh Thị Kim NLQ17, Huỳnh Thị Kim NLQ15, Huỳnh Thành NLQ16, Huỳnh Thành NLQ14); bà Huỳnh Thị V (chết năm 2019, có chồng tên Lê Văn E, đã chết, có 03 người con tên: Nguyễn Ngọc NLQ3, Nguyễn Ngọc Hà, Nguyễn Thị Lệ NLQ4); ông Huỳnh Văn BĐ; bà Huỳnh Thị G (chết năm 2013, có chồng tên Nguyễn Văn Hậu, có 02 người con tên: Nguyễn Trọng NLQ19, Nguyễn Hữu NLQ20). Hai cụ không có con riêng, con nuôi.

Khi còn sống hai cụ có tặng cho các con khi có gia đình riêng mỗi người diện tích như sau: Ông Thương diện tích 3.060 m<sup>2</sup>; bà Thái diện tích 3.479 m<sup>2</sup>; ông NLQ1 diện tích 2.475 m<sup>2</sup>; ông (NĐ) diện tích 1.730 m<sup>2</sup> đất gò và 3.000 m<sup>2</sup> đất ruộng; ông Thành diện tích 7.000 m<sup>2</sup>; bà V diện tích 5.000 m<sup>2</sup>; ông BĐ diện tích 7.305 m<sup>2</sup>; bà G diện tích 2.734 m<sup>2</sup>.

Ngoài diện tích tặng cho các con, hai cụ còn lại diện tích khoảng 17.000 m<sup>2</sup>, từ trước đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó đất ao hồ khoảng 7.000 m<sup>2</sup> anh, em thống nhất là tài sản chung cùng nhau quản lý, không ai tranh chấp và ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với phần đất gò diện tích 10.613,4 m<sup>2</sup>, tại thửa số 53, tờ bản đồ số 24 trong đó có một phần diện tích khu đất mộ cha mẹ, ông bà. Ông yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích 763,7 m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 10.613,4 m<sup>2</sup> ông BĐ đang quản lý; đối

với tài sản là phần mái che, nhà vệ sinh, đoạn hàng rào lưới B40 trên diện tích tranh chấp, ông đồng ý bồi thường bằng giá trị theo thẩm định giá, nhưng ông không có nhu cầu sử dụng, đồng ý giao cho ông BĐ đi dời đi nơi khác sử dụng. Đối với diện tích đất còn lại và toàn bộ tài sản trên đất, trong đó có nhà chữ đình của cha mẹ để lại ông đồng ý giao cho ông BĐ quản lý, sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

*Bị đơn - ông Huỳnh Văn BĐ, người đại diện hợp pháp của ông BĐ, bà Lê Thị Dung trình bày:*

Về quan hệ huyết thống giữa cha, mẹ, con và anh, chị, em đúng như ông NĐ trình bày, hai cụ không có con riêng, con nuôi và trước khi chết hai cụ không để lại di chúc. Ông BĐ là con trai út sống chung với cụ T, cụ Q, sau khi có gia đình riêng tiếp tục sống chung tại nhà, đất này và NLQ13 dưỡng cha mẹ đến khi chết. Đối với diện tích đất theo kết quả đo đạc 10.613,4 m<sup>2</sup> là tài sản có nguồn gốc của cụ T, cụ Q tặng cho ông BĐ từ năm 1975, ông BĐ quản lý, canh tác liên tục cho đến nay. Do ông BĐ là tài xế lái xe không có thời gian, nên đến năm 2000 mới kê khai, đăng ký và làm thủ tục cấp giấy đất theo quy định của pháp luật, nhưng bị ông NĐ ngăn cản, cho nên đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với diện tích 7.000 m<sup>2</sup> ao hồ đã có văn bản thỏa thuận của anh, em là tài sản chung, các bên không tranh chấp.

Hiện nay diện tích 10.613,4 m<sup>2</sup>, trong đó một phần là khu đất mộ của cha mẹ, ông bà... diện tích còn lại phần giáp đường nhựa, ông BĐ đã chia cho chị Vân, anh Bảo, chị NLQ24, chị Trang và anh Hoa. Diện tích đất ông NĐ yêu cầu chia thừa kế tại vị trí đất ông BĐ đã tặng cho chị NLQ24, chị Trang nhưng hai chị chưa sử dụng nên cho anh Hoa mượn để kinh doanh cà phê, do đó tài sản trên đất (mái hiên, nền gạch tàu + xi măng) là của Hoa.

Khi còn sống cụ T, cụ Q tặng cho tất cả các con mỗi người một phần đất như ông NĐ trình bày, phần cho ông BĐ diện tích 7.305 m<sup>2</sup> và tất cả diện tích tặng cho được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, ông NĐ yêu cầu chia thừa kế diện tích 763,7 m<sup>2</sup> là tài sản riêng của ông BĐ, không phải là di sản thừa kế. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NĐ, thì đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất diện tích còn lại cho ông BĐ để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

*Lời khai của bà Huỳnh Thị NLQ2:*

Bà là con gái duy nhất của ông Huỳnh Văn S2 (chết) và bà Lê Thị Cúc (chết); ông NĐ, ông BĐ là chú ruột. Khi còn sống cha mẹ của bà được cụ T, cụ Q chia cho diện tích 2.793 m<sup>2</sup> và được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là

UBND) huyện A3 (nay là thị xã A3), tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002 do bà Lê Thị Cúc đứng tên. Ông NĐ khởi kiện yêu cầu ông BĐ chia di sản thừa kế diện tích đất của cụ T, cụ Q chết để lại ông BĐ đang quản lý, sử dụng, bà không tranh chấp, không yêu cầu chia.

*Lời khai của ông Nguyễn Phước NLQ6 ngày 27/4/2017 (BL số 40):*

Ông là chồng của bà Huỳnh Thị S6 (chết), ông bà chung sống có 05 người con gồm: Nguyễn Thành NLQ7, Nguyễn Kim NLQ8, Nguyễn Kim NLQ9, Nguyễn Văn NLQ10 và Nguyễn Thành NLQ11; ông NĐ, ông BĐ là em vợ. Cha mẹ vợ ông là cụ T và cụ Q khi chết có để lại diện tích đất và anh, em tự phân chia, vợ chồng ông nhận được một phần đất không rõ diện tích bao nhiêu và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện ông đang quản lý, sử dụng. Đối với việc ông NĐ tranh chấp với ông BĐ yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất ông BĐ đang quản lý ông không tranh chấp phần di sản trên và không yêu cầu chia.

*Lời khai của anh Nguyễn Thành NLQ7, chị Nguyễn Kim NLQ8, chị Nguyễn Kim NLQ9, anh Nguyễn Văn NLQ10 và anh Nguyễn Thành NLQ11:*

Các anh, chị là con của ông Nguyễn Phước NLQ6 và bà Huỳnh Thị S6 (chết); ông NĐ, ông BĐ là cậu ruột. Khi mẹ các anh, chị còn sống được ông, bà ngoại chia cho phần đất để sinh sống và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi mẹ các anh, chị chết, thì cha các anh, chị tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất này. Nay ông NĐ tranh chấp với ông BĐ yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất ông BĐ đang quản lý các anh, chị không tranh chấp và không yêu cầu chia.

*Lời khai của ông Huỳnh Long NLQ1:*

Ông thống nhất về quan hệ huyết thống cha, mẹ, con và anh, chị, em đúng như ông NĐ trình bày, hai cụ không có con riêng, con nuôi, trước khi chết không để lại di chúc. Ông được cha mẹ chia cho diện tích 2.106 m<sup>2</sup> và được Ủy ban nhân dân huyện A3 (nay là thị xã A3), tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/2005 do vợ chồng ông đứng tên. Ông đã được cha mẹ chia đất nên không tranh chấp và không yêu cầu ông BĐ chia thừa kế diện tích đất nào ông BĐ đang quản lý cho ông.

*Lời khai của bà Nguyễn Thị NLQ12:*

Bà là vợ của ông Huỳnh Văn G1 (chết), bà và ông Thành chung sống có 05 người con gồm: Huỳnh Thị Kim NLQ13, Huỳnh Thị Kim NLQ17, Huỳnh Thị Kim NLQ15, Huỳnh Thành NLQ14 và Huỳnh Thành NLQ16; ông NĐ, ông BĐ là anh chồng, em chồng của bà. Cha mẹ chồng là cụ T và cụ Q, khi còn sống cha mẹ chồng có chia cho vợ, chồng bà diện tích đất và được cấp giấy chứng nhận

quyền sử dụng, hiện nay bà và các con đang quản lý, sử dụng. Phần đất của vợ chồng bà được chia không liên quan đến việc tranh chấp di sản thừa kế giữa ông NĐ và ông BĐ, nên bà không cung cấp thông tin quyền sử dụng đất theo yêu cầu của Tòa án. Nay ông NĐ tranh chấp với ông BĐ yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất ông BĐ đang quản lý bà không tranh chấp và không yêu cầu chia.

*Lời khai của chị Huỳnh Thị Kim NLQ15 và anh Huỳnh Thành NLQ14:*

Anh, chị là con của ông Huỳnh Văn G1 (chết) và bà Nguyễn Thị NLQ12; cha mẹ của anh, chị chung sống có 05 người con như bà Nhị trình bày; ông NĐ, ông BĐ là bác, chú ruột. Khi cha anh, chị còn sống được ông, bà nội chia cho phần đất để sinh sống và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi ông Thành chết thì mẹ anh, chị cùng các con tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích này. Nay ông NĐ tranh chấp với ông BĐ yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất ông BĐ đang quản lý anh, chị không tranh chấp và không yêu cầu chia.

Chị Huỳnh Thị Kim NLQ13 và anh Huỳnh Thành NLQ16 là con của ông Huỳnh Văn G1 (chết), thuộc hàng thừa kế thế vị của ông Thành được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng không làm việc được và vắng mặt tại phiên tòa. Đối với chị Huỳnh Thị Kim NLQ17 đang định cư tại Đài Loan, đã nhận được hồ sơ ủy thác tư pháp của Tòa án, nhưng không có mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến.

*Lời khai của anh Nguyễn Ngọc NLQ3, chị Nguyễn Thị Ngọc NLQ5 và chị Nguyễn Thị Lệ NLQ4:*

Các anh, chị là con của ông Lê Văn E (chết) và bà Huỳnh Thị V (chết); ông NĐ, ông BĐ là cậu ruột. Khi mẹ anh, chị còn sống được ông, bà ngoại chia cho phần đất khoảng 4.000 m<sup>2</sup> và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau khi cha, mẹ chết các anh, chị tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất này. Phần đất mẹ các anh, chị được chia không liên quan đến tranh chấp di sản thừa kế giữa ông NĐ và ông BĐ, nên các anh, chị không cung cấp thông tin và giấy tờ có liên quan đến quyền sử dụng diện tích đất trên theo yêu cầu của Tòa án. Giữa ông NĐ và ông BĐ tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất ông BĐ đang quản lý các anh, chị không tranh chấp và không yêu cầu chia.

*Lời khai của ông Nguyễn Trung NLQ18:*

Ông là chồng của bà Huỳnh Thị G (chết), ông và bà G chung sống có 02 người con tên Nguyễn Trọng NLQ19 và Nguyễn Hữu NLQ20; ông NĐ, ông BĐ là anh vợ; khi còn sống cha mẹ vợ là cụ T, cụ Q có chia cho vợ chồng ông phần đất chiều rộng khoảng 20 m đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các anh, em vợ còn lại ai cũng được cha mẹ thì chia đất và được cấp giấy. Phần

đất của vợ chồng ông được cha mẹ chia không liên quan đến việc tranh chấp di sản thừa kế giữa ông NĐ và ông BĐ, nên ông không cung cấp thông tin về quyền sử dụng đất cho Tòa án. Ông NĐ tranh chấp với ông BĐ yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích đất ông BĐ đang quản lý Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, ông không tranh chấp và không yêu cầu chia.

*Lời khai của anh Nguyễn Trọng NLQ19, anh Nguyễn Hữu NLQ20:*

Các anh là con của ông bà Huỳnh Thị G (chết) và ông Nguyễn Trung Hậu; ông NĐ, ông BĐ là cậu ruột. Khi mẹ các anh còn sống được ông, bà ngoại chia cho phần đất chiều rộng khoảng 20 m, hiện nay do anh Hạnh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay ông NĐ và ông BĐ tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế là diện tích đất ông BĐ đang quản lý các anh không tranh chấp và không yêu cầu chia.

*Lời khai của chị Huỳnh Thị Bích NLQ23:*

Chị là con gái của ông Huỳnh Văn BĐ và bà Hồng Ngọc NLQ21; về quan hệ huyết thống giữa ông, bà và các con thuộc hàng thừa kế của ông bà đúng như ông NĐ trình bày. Đối với phần đất ông NĐ tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế với cha chị được ông bà nội chia cho cha chị từ năm 1975 nhưng đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên diện tích cha chị quản lý còn có một nhà chữ đình được ông, bà nội xây dựng năm 1955, sau đó cha mẹ chị sửa chữa lại và sử dụng cho đến nay. Diện tích đất này, cha mẹ chị quản lý đến năm 2000 thì chia lại cho 05 người con, chỉ nói miệng mỗi người một phần, phần đất của chị được chia rộng khoảng 13 m, chiều dài khoảng 40 m, chị đã xây nhà cấp 4 cho thuê. Nay ông NĐ tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế với cha chị diện tích được ông bà nội chia cho là tài sản của cha chị, nên chị không đồng ý.

*Chị Huỳnh Thị Bích NLQ23, người đại diện hợp pháp của bà Hồng Ngọc NLQ21, chị Huỳnh Thị NLQ27 NLQ24, chị Huỳnh Thị Thu NLQ22 trình bày:*

Bà Hồng Ngọc NLQ21 là vợ ông BĐ; chị NLQ24, chị Trang là con gái của ông BĐ, bà Anh. Bà Anh, chị NLQ24, chị Trang thống nhất về quan hệ huyết thống và những người thuộc hàng thừa kế của của cụ T, cụ Q đúng như ông NĐ trình bày. Đối với phần đất ông NĐ tranh chấp với ông BĐ yêu cầu chia di sản thừa kế có nguồn gốc của cụ T, cụ Q chia cho ông BĐ cùng thời điểm chia đất cho những người con khác. Trên phần đất ông BĐ quản lý còn có một nhà chữ đình được ông bà xây dựng năm 1955 để sinh sống, ông BĐ là con trai út sống chung với cha mẹ, sau đó ông BĐ, bà Anh sửa chữa lại và sử dụng cho đến nay. Tại vị trí đất ông NĐ tranh chấp, trước đây ông BĐ đã chia cho chị NLQ24, chị Trang nhưng do chưa sử dụng nên cho anh Hoa mượn dựng mái che để kinh doanh cà phê. Chị đại diện cho bà Anh, chị NLQ24, chị Trang không đồng ý yêu



cầu chia di sản thừa kế của ông NĐ, vì đây là tài sản của ông BĐ.

*Lời khai của anh Huỳnh Quốc NLQ25 và chị Nguyễn Thị NLQ25.1:*

Anh, chị là con trai, con dâu của ông BĐ, bà Anh. Diện tích đất hiện nay cha mẹ anh, chị đang quản lý, sử dụng bị ông NĐ tranh chấp có nguồn gốc của ông bà nội chia cho và cha mẹ của anh chị có nghĩa vụ NLQ13 dưỡng ông bà và thờ cúng tổ tiên. Trong thời gian quản lý, sử dụng nhà, đất cha mẹ anh chị sửa chữa lại nhà, san lấp nơi trũng thấp, xây hàng rào xung quanh...đến năm 2000, chia đất cho 05 người con, mỗi người một phần; anh chị được cha mẹ chia diện tích đất chiều rộng 10 m, chiều dài 70 m; năm 2001 anh chị xây căn nhà cấp 4, cộng trình phụ, xây hàng rào trên diện tích được chia và sống ổn định cho đến nay; diện tích còn lại các anh, chị em khác cũng đã xây dựng nhà ở, mở quán kinh doanh. Diện tích đất ông NĐ tranh chấp, là của cha mẹ anh được ông bà tặng cho trước khi chết, nên không đồng ý yêu cầu chia di sản thừa kế của ông NĐ.

*Lời khai của anh Huỳnh NLQ26:*

Anh là con trai út của ông ông BĐ, bà Anh và sống cùng cha mẹ. Phần đất cha mẹ anh quản lý, sử dụng ông NĐ tranh chấp có nguồn gốc của ông bà nội chia cho khi còn sống, đến năm 2000, cha mẹ anh chia đất cho 05 người con, mỗi người một phần; do anh là con út sống chung với cha mẹ nên được chia diện tích đất chiều rộng khoảng 20 m (tổng diện tích hơn 8.000 m<sup>2</sup>, trong đó có phần khu đất mộ và nhà thờ), năm 2015 anh mở quán kinh doanh cà phê, do chị NLQ24, chị Trang chưa sử dụng diện tích được chia, nên anh mượn mặt bằng sử dụng cho việc kinh doanh, mái hiên, nhà vệ sinh trên diện tích ông NĐ tranh chấp là chi phí do anh xây dựng. Diện tích đất của cha mẹ anh được ông bà tặng cho trước khi chết, nên không đồng ý yêu cầu chia di sản thừa kế của ông NĐ.

*Lời khai của anh Lê Thanh NLQ29:*

Ngày 07/6/2019, anh ký hợp đồng thuê nhà với ông Huỳnh Văn BĐ để kinh doanh điện thoại di động, thời hạn thuê 03 năm. Anh chỉ biết thuê nhà của ông BĐ còn thực tế tài sản đó của ai anh không biết, nếu Tòa án giải quyết giao mặt bằng anh đã thuê của ông BĐ cho người khác sử dụng, thì căn cứ vào hợp đồng giữa anh và ông BĐ để giải quyết. Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết hợp đồng thuê nhà giữa anh và ông BĐ trong vụ án này.

*Lời khai của chị Nguyễn Thị NLQ27:*

Ngày 26/8/2020, chị cùng chồng là anh Nguyễn Văn Thanh Hòa ký hợp đồng thuê nhà với ông Huỳnh Văn BĐ để kinh doanh quán nhậu, thời hạn thuê 02 năm. Ông NĐ tranh chấp với ông BĐ về thừa kế tài sản là phần đất không phải tại vị trí nhà, đất chị thuê nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Lời khai của chị Huỳnh Thị Thúy:*

Ngày 01/8/2020, chị có ký hợp đồng thuê lại căn nhà với chị Lê Thị Kim R để kinh doanh mỹ phẩm, căn nhà này trước đây chị R thuê của ông BĐ, thời hạn thuê 02 năm. Giữa ông NĐ và ông BĐ tranh chấp về di sản thừa kế, không phải tại vị trí nhà đất chị thuê để kinh doanh, nên không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị, do đó chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2021/DS-ST ngày 19 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn NĐ. Chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh Văn T và cụ Ngụ Thị Q theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Ông Huỳnh Văn BĐ được quản lý, sử dụng diện tích 9.613,4 m<sup>2</sup>, trong đó diện tích quy hoạch lộ giới 771,4 m<sup>2</sup>, tại thửa số 48, tờ bản đồ số 17 (theo bản đồ đo năm 2000), thửa mới số 53, tờ bản đồ mới số 24 (theo bản đồ đo năm 2005) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất có tứ cận: Đông giáp thửa số 68, dài 108,23 m; Tây giáp thửa số 52, 67, 73 và khu đất mộ, dài 49,52 m + 5,47 m + 18,68 m + 6,30 m + 35,47 m + 30,07 m + 27,17 m; Nam giáp đường nhựa TL.6, dài 56,76 m; Bắc giáp thửa số 37, 46 và đường đất, dài 28,97 m + 6,8 m + 19,91 m + 20,64 m + 9,70 m + 11,74 m + 11,08 m + 20,10 m, đất tọa lạc khu phố A2, phường A1, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

Ghi nhận tài sản trên đất các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ủy ban nhân thị xã A3, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Huỳnh Văn BĐ theo quyết định của bản án.

- Ông Huỳnh Văn BĐ phải thanh toán số tiền chia thừa kế cho:

+ Ông Huỳnh Văn NĐ số tiền 5.861.282.181 đồng (năm tỷ, tám trăm sáu mươi một triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, một trăm tám mươi một đồng).

+ Chị Huỳnh Thị Kim NLQ17, chị Huỳnh Thị Kim NLQ13, chị Huỳnh Thị Kim NLQ15, anh Huỳnh Thành NLQ16, anh Huỳnh Thành NLQ14 là con ông Huỳnh Văn G1 (chết) số tiền 5.861.282.181 đồng (năm tỷ, tám trăm sáu mươi một triệu, hai trăm tám mươi hai nghìn, một trăm tám mươi một đồng).

- Tạm giao cho ông Huỳnh Văn BĐ quản lý khu đất nghĩa địa chôn cất ông bà, cha mẹ diện tích 1.000 m<sup>2</sup>, một phần thửa số 48, tờ bản đồ số 17 (theo bản đồ đo năm 2000), thửa mới số 53, tờ bản đồ mới số 24 (theo bản đồ đo năm 2005), đất có tứ cận: Đông giáp diện tích đất giao cho ông BĐ, dài 35,47 m; Tây giáp thửa số 52, dài 27,10 m; Nam giáp thửa 67, dài 34,61 m; Bắc giáp diện tích đất

giao cho ông BĐ, dài 30,07 m, đất tọa lạc khu phố A2, phường A1, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh (có sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo).

2. Ghi nhận ông Huỳnh Long NLQ1; bà Huỳnh Thị NLQ2 là con ông Huỳnh Văn S2 (chết); anh Nguyễn Thành NLQ7, chị Nguyễn Kim NLQ8, chị Nguyễn Kim NLQ9, anh Nguyễn Thành NLQ11, anh Nguyễn Văn NLQ10 con bà Huỳnh Thị S6 (chết); anh Nguyễn Ngọc NLQ3, chị Nguyễn Ngọc Hà, chị Nguyễn Thị Lệ NLQ4 con bà Huỳnh Thị V (chết); anh Nguyễn Trọng NLQ19, anh Nguyễn Hữu NLQ20 con bà Huỳnh Thị G (chết) không tranh chấp, không yêu cầu chia thừa kế diện tích đất ông BĐ đang quản lý.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/02/2021, nguyên đơn ông Huỳnh Văn NĐ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử cho nguyên đơn được hưởng phần di sản thừa kế là 763,7m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại khu phố A2, phường A1, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh. Nguyên đơn không đồng ý nhận tiền như Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Huỳnh Thị Bích NLQ23 (là con của ông BĐ) trình bày trong quá trình quản lý sử dụng ông BĐ có bán đi phần đất ngang 5m, dài 60m cho ông Lê Tấn R2 liền kề với đất đang tranh chấp để chứng minh rằng ông BĐ có chủ quyền nên không ai tranh cãi. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không ghi nhận nội dung này để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Ngày 01/02/2021, bị đơn ông Huỳnh Văn BĐ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại, với lý do:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế để lại là phần đất có diện tích 9.613,4 m<sup>2</sup> tại thửa số 48, tờ bản đồ số 17 (theo bản đồ đo năm 2000), thửa mới số 53, tờ bản đồ mới số 24 (theo bản đồ đo năm 2005) là không có căn cứ mà phần diện tích đó là phần đất mà cha mẹ đã cho ông từ năm 1975 và ông đã đi đăng ký, đóng thuế và sử dụng từ đó đến nay. Các đồng thừa kế cũng đã được cha mẹ phân chia khi còn sống và có giấy tờ công nhận là đã được chia rồi và họ cũng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy, nay Tòa án cấp sơ thẩm phân chia tiếp là không đúng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá trị ngang bằng nhau là không đúng vì phần đất có diện tích 9.613,4 m<sup>2</sup> có đất mặt tiền đường ít hơn mặt hậu nên phải xác định giá theo khu vực tương ứng mới đảm bảo công bằng về giá đất.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn NĐ trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm về việc chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh Văn T và cụ Ngụy Thị Q theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông NĐ không muốn hưởng giá trị mà được chia hiện vật vì ông có nhu cầu sử dụng đất và ông NĐ đồng ý trả giá trị của các tài sản trên đất cho ông BĐ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng cho ông NĐ được hưởng phần di sản thừa kế là 763,7m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại khu phố A2, phường A1, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn ông Huỳnh Văn BĐ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Thái Quang Thượng A thống nhất thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi lẽ, ông Huỳnh Văn BĐ có quá trình sử dụng ổn định từ năm 1975 đến nay, có tên trong sổ mục kê năm 2001 xã A1 (Bút lục số 699 - 700) đối với diện tích nêu trên, được UBND xã A1 xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng vào ngày 03/4/2001. Do không đủ căn cứ pháp luật để xác định đây là tài sản của cụ T và cụ Q, nên không coi đây là di sản để chia thừa kế.

Thực trạng sử dụng đất của ông Huỳnh Văn BĐ đã ổn định hơn 40 năm, đã chia cho các con của ông sử dụng xây dựng công trình, nhà ở, sử dụng làm địa điểm kinh doanh ổn định từ năm 2001 đến nay, không ai có ý kiến, cho đến khi ông NĐ có tranh chấp. Điều này phản ánh thực tế tài sản quyền sử dụng đất đã được tặng cho ông Huỳnh Văn BĐ từ trước.

Mặt khác, tình tiết, nội dung vụ án tương tự các tình tiết được nêu tại Án lệ số 24/2018/AL, việc phân chia tài sản của người chết dù chỉ thực hiện bằng miệng, không thể hiện bằng văn bản, nhưng có cơ sở xác định đã được phân chia, thực hiện trên thực tế, nên đây không còn là di sản của người chết để lại. Hơn nữa, tinh thần tiếp tục thực hiện, đảm bảo ý chí của người tặng cho tài sản là quyền sử dụng đất, khi đã chết cũng được thể hiện tại án lệ số 52/2021/AL.

Ngoài ra, lời trình bày của ông Huỳnh Long NLQ1, là anh ruột của ông Huỳnh Văn NĐ và ông Huỳnh Văn BĐ thể hiện :*“Nay ý kiến riêng của tôi thì xin Hội đồng xét xử thấu tình đạt lý hãy cho phép giữ ổn định, nếu không sẽ có sự xáo trộn rất lớn trong họ tộc chúng tôi và tạo điều kiện cho Huỳnh Văn BĐ tiến hành xin cấp quyền sử dụng trên phần đất đó để ngăn chặn mọi biến động không đúng về sau. Tôi xin thay mặt ông bà (đã khuất) biết ơn Hội đồng xét xử”*.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Bích NLQ23, chị Huỳnh Thị NLQ27 NLQ24 thống nhất ý kiến của ông BĐ và Luật sư Thái

Quang Thượng A, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của bị đơn: ông Huỳnh Văn BĐ cho rằng được cha mẹ tặng cho phần đất tranh chấp nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh; ông Huỳnh Văn NĐ không thừa nhận nên có cơ sở xác định diện tích đất tranh chấp là di sản thừa kế của cụ Huỳnh Văn T và cụ Nguyễn Thị Q chết để lại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NĐ, chia di sản thừa kế của cụ T và cụ Q theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông BĐ không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Xét kháng cáo của nguyên đơn Huỳnh Văn NĐ: Ký phần quyền sử dụng đất được chia theo pháp luật có diện tích 9.613,4 m<sup>2</sup>. Theo kết quả thẩm định giá, đất có giá 7.674.849 đồng/m<sup>2</sup> x 9.613,4 m<sup>2</sup> = 73.781.393.376 đồng, nhưng ông NĐ khởi kiện chỉ yêu cầu nhận diện tích đất 763,7 m<sup>2</sup> và theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất do Công ty TNHH Trắc địa và Bản đồ miền Nam đo vẽ ngày 06/01/2020, thì phần diện tích ông NĐ yêu cầu được chia trên đất có công trình xây dựng gồm mái che 1, mái che 2, nhà vệ sinh và hàng rào lưới B40 của gia đình ông BĐ. Nếu tháo dỡ các vật kiến trúc này thì không ảnh hưởng đến cấu trúc nhà chính của gia đình ông BĐ. Ông NĐ đồng ý bồi trả giá trị các tài sản trên đất. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông NĐ có cơ sở nhưng bản án sơ thẩm lại chia giá trị. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của ông NĐ yêu cầu được hưởng quyền sử dụng đất, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm như phân tích trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét:

[1] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Long NLQ1 có đơn đề ngày 17/8/2022, bà Huỳnh Thị NLQ2, anh Nguyễn Ngọc NLQ3, chị Nguyễn Thị Lệ NLQ4, chị Nguyễn Thị Ngọc NLQ5, anh Nguyễn Thành NLQ7,

chị Nguyễn Kim NLQ8, chị Nguyễn Kim NLQ9, anh Nguyễn Văn NLQ10, anh Nguyễn Thành NLQ11, anh Huỳnh Thành NLQ14, ông Nguyễn Trung NLQ18, anh Nguyễn Hữu NLQ20, ông Nguyễn Phước NLQ6, cùng có đơn đề ngày 09/01/2023, đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Trọng NLQ19, anh Huỳnh Quốc NLQ25, chị Nguyễn Thị NLQ25.1, anh Huỳnh NLQ26 (bút lục 434) chị Nguyễn Thị NLQ27, chị Huỳnh Thanh NLQ28, anh Lê Thanh NLQ29, bà Nguyễn Thị NLQ12 (bút lục 620), chị Huỳnh Thị Kim NLQ15 (bút lục 614) có đơn đề nghị vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị Kim NLQ13, anh Huỳnh Thành NLQ16 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, chị Huỳnh Thị Kim NLQ17 đang định cư tại Đài Loan đã được thực hiện ủy thác tư pháp theo qui định pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành phiên toà phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn:

[2.1] Cụ Huỳnh Văn T (chết năm 1985) và vợ là cụ Ngụy Thị Q (chết năm 1998) có 08 người con chung là ông Huỳnh Văn S2 (chết năm 1986), bà Huỳnh Thị S6 (chết năm 1993), ông Huỳnh Long NLQ1, ông Huỳnh Văn NĐ, ông Huỳnh Văn G1 (chết năm 1996), bà Huỳnh Thị V (chết năm 2019), ông Huỳnh Văn BĐ và bà Huỳnh Thị G (chết năm 2013). Sinh thời, các cụ có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất và các cụ đã tặng cho mỗi người con một phần đất để sinh sống. Những phần đất này đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các con của hai cụ, như: UBND huyện A3 (nay là thị xã A3), tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/6/2002 cho bà Lê Thị Cúc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/2005 cho vợ chồng ông Huỳnh Long NLQ1 bà Phạm Thị Kim B.

[2.2] Phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 10.613,4m<sup>2</sup>, trích đo từ thửa số 48, tờ bản đồ số 17 theo bản đồ đo năm 2000 (thửa mới là số 53, tờ bản đồ số 24 theo bản đồ đo năm 2005), tọa lạc tại khu phố Hoà Hưng, phường An Hoà, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh. Nguyên đơn cho rằng phần đất này là di sản do cha mẹ để lại nên yêu cầu chia thừa kế. Bị đơn cho rằng cụ T và cụ Q đã tặng cho ông phần diện tích đất tranh chấp từ năm 1975; do ông là tài xế lái xe nên không có thời gian, đến năm 2000, ông đăng ký kê khai và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bị nguyên đơn ngăn cản nên đến nay vẫn chưa được cấp giấy tờ. Những người thừa kế và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố

tụng của những người thừa kế của cụ T, cụ Q xác định không tranh chấp và không có yêu cầu trong vụ án.

[2.3] Về mặt thực tế, ông BĐ là người đã chiếm hữu, quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp kể từ khi cụ T và cụ Q còn sống cho đến nay, bởi đương sự là con út, chung sống và NLQ13 dưỡng cha mẹ cho đến khi hai cụ chết. Theo Công văn số 39/UBND ngày 08/3/2018 của UBND huyện A3, qua kiểm tra sổ mục kê năm 2001 và sổ địa chính thì thửa đất do ông BĐ và vợ là bà A đăng ký. Theo các Biên lai thu thuế nhà, đất (bút lục 67- 79), ông BĐ là người nộp thuế sử dụng đất hàng năm. Quá trình sử dụng, ông BĐ đã tiến hành bồi đắp từ khu đất trũng thấp, san bằng đất, xây nhà cấp 4 nhà tạm, các ki ốt, công trình phụ gồm chuồng heo, mái che, nhà vệ sinh, hàng rào lưới B40 và công trình phụ khác (được thể hiện theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất và Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/01/2020) mà không bị bất kỳ ai cản trở. Ông Huỳnh Long NLQ1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Huỳnh Văn S2, bà Huỳnh Thị S6, ông Huỳnh Văn G1, bà Huỳnh Thị V và bà Huỳnh Thị G đều thừa nhận việc cụ T và cụ Q tặng cho quyền sử dụng đất không được lập thành văn bản. Các ông bà không tranh chấp và không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định khi còn sống, cụ T và cụ Q có chia cho ông BĐ phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 10.613,4m<sup>2</sup> và phần đất này do ông BĐ quản lý.

[2.4] Hiện nay, ông BĐ vẫn chưa được đứng tên là chủ sử dụng đất. Lý do ông BĐ nêu ra là do ông bận công việc, đến khi ông nộp hồ sơ kê khai, đăng ký để đứng tên chủ sử dụng thì có sự tranh chấp từ ông NĐ nên việc đăng ký chưa thực hiện được đến nay.

[2.5] Điều 696 của Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định về hiệu lực của việc chuyển quyền sử dụng đất như sau: *“Việc chuyển quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm được đăng ký quyền sử dụng đất tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền”*.

[2.6] Như vậy, về mặt pháp lý, cho đến khi người nhận chuyển quyền sử dụng đất (theo giao dịch tặng cho) chưa kịp đăng ký quyền sử dụng đất cho mình, mà người chuyển quyền sử dụng đất đã chết, việc tặng cho quyền sử dụng đất sẽ không có hiệu lực pháp luật.

[2.7] Xét về bản chất pháp lý, việc tặng cho tài sản là loại hợp đồng đơn vụ, nghĩa là trong loại giao dịch dân sự này, chỉ một bên có nghĩa vụ đối với bên kia. Vì thế, trong một số trường hợp như trường hợp cụ thể nói trên (người được tặng cho quyền sử dụng đất chưa kịp đăng ký quyền sử dụng đất cho mình, mà người tặng cho quyền sử dụng đất đã chết), Tòa án có thể xem xét và công nhận hiệu lực pháp luật của việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ T, cụ Q và ông BĐ khi xác định việc tặng cho đã thể hiện quyền định đoạt tài sản của hai cụ

trước khi chết. Điều này phù hợp với đơn trình bày của ông Huỳnh Long NLQ1 đã nộp tại Tòa án, được UBND phường An Hoà, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh xác nhận. Việc ông Huỳnh Văn BĐ là người được tặng cho tài sản không thực hiện được việc đăng ký tài sản (quyền sử dụng đất) là do trở ngại khách quan, không phải do ý chí chủ quan của người tặng cho tài sản.

[2.8] Như vậy, Hội đồng xét xử công nhận việc tặng cho quyền sử dụng phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 10.613,4m<sup>2</sup>, trích đo từ thửa số 48, tờ bản đồ số 17 theo bản đồ đo năm 2000 (thửa mới là số 53, tờ bản đồ số 24 theo bản đồ đo năm 2005), tọa lạc tại khu phố Hoà Hưng, phường An Hoà, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh giữa cụ T, cụ Q và ông BĐ.

[2.9] Do đất đã được tặng cho hợp pháp nên không còn là di sản thừa kế của cụ T và cụ Q. Vì vậy, ông NĐ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do cha mẹ để lại là không có cơ sở chấp nhận.

[2.10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm.

[3] Các phần khác của bản án Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân không kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm và chi phí tố tụng phúc thẩm:

[4.1] Về chi phí uỷ thác tư pháp:

Ông Huỳnh Văn NĐ phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng phí thực hiện uỷ thác tư pháp, được trừ số tiền đã nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0000020 ngày 01/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông NĐ đã nộp xong.

Căn cứ Công văn số 412/BTP-PLQT ngày 25/02/2022 của Bộ Tư pháp có nội dung “Theo Điều 6 Thỏa thuận giữa Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc và Văn phòng Kinh tế và văn hóa Đài Bắc tại Việt Nam về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, yêu cầu tổng đạt giấy tờ trong vụ việc này không làm phát sinh chi phí thực tế”. Do đó, Hội đồng xét xử hoàn trả cho ông Huỳnh Văn NĐ số tiền tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp đã nộp là 3.000.000 (ba triệu) đồng theo Biên lai thu số 0000047 ngày 01/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Huỳnh Văn NĐ, sinh năm 1951 và ông Huỳnh Văn BĐ, sinh năm 1957, đều là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016



của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn án phí cho ông Huỳnh Văn NĐ và ông Huỳnh Văn BĐ.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Văn NĐ.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn BĐ.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Áp dụng:

- Điều 26, Điều 37, Điều 68, khoản 5 Điều 70, Điều 91, Điều 147, Điều 148, Điều 270 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 696 của Bộ luật Dân sự năm 1995;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Văn NĐ về việc chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh Văn T và cụ Ngụ Thị Q là phần đất có diện tích 10.613,4m<sup>2</sup>, trích đo từ thửa số 48, tờ bản đồ số 17 theo bản đồ đo năm 2000 (thửa mới là số 53, tờ bản đồ số 24 theo bản đồ đo năm 2005), tọa lạc tại khu phố Hoà Hưng, phường An Hoà, thị xã A3, tỉnh Tây Ninh.

2/ Về chi phí tố tụng sơ thẩm:

- Về chi phí uỷ thác tư pháp: Ông Huỳnh Văn NĐ phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng. Ghi nhận ông NĐ đã nộp xong.

- Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc, định giá tài sản: Ông Huỳnh Văn NĐ phải chịu 38.500.000 (ba mươi tám triệu năm trăm nghìn) đồng. Ghi nhận ông NĐ đã nộp xong.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn NĐ được miễn án phí. Hoàn trả cho ông NĐ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.000.000 (mười triệu) đồng theo Biên lai thu số 0008614 ngày 17/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A3 (nay là thị xã A3), tỉnh Tây Ninh.

4/ Về chi phí uỷ thác tư pháp phúc thẩm:

Ông Huỳnh Văn NĐ phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng phí thực hiện uỷ thác tư pháp, được căn trừ số tiền đã nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0000020 ngày 01/12/2021 của Cục thi hành án

dân sự tỉnh Tây Ninh. Ghi nhận ông NĐ đã nộp xong.

Hoàn trả cho ông Huỳnh Văn NĐ số tiền tạm ứng chi phí uỷ thác tư pháp đã nộp là 3.000.000 (ba triệu) đồng theo Biên lai thu số 0000047 ngày 01/12/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

5/ Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Văn NĐ và ông Huỳnh Văn BĐ được miễn.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Tấn**

**Trần Thị Thúy Hồng**

**Trần Thị Hòa Hiệp**